

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/05/2022

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Trinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Anh Tấn
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Thanh T, sinh năm 1993 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: 157 ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

*- Bị đơn:* Ông Phạm Văn C, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V1, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 11/02/2022– Bà Thạch Thị Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C do tự tìm hiểu tiến đến hôn nhân vào năm 2016, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 28 tháng 10 năm 2016. Sau khi kết hôn ông bà về chung sống bên gia đình cha mẹ bà tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm,

không có sự quan tâm chia sẻ, bản thân hai người cảm thấy không hoà hợp. Vào khoảng tháng 02 năm 2021, sau khi cãi vã nhau ông C bỏ về gia đình cha mẹ ruột tại ấp V1, xã V, huyện C, tỉnh An Giang ở và giữa ông bà đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn đoàn tụ nên bà yêu cầu ly hôn với ông C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thiện T1 sinh ngày 16/5/2017 và Phạm Thị Phương N, sinh ngày 11/11/2020 hiện 02 cháu đang sống với bà T. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – Ông Phạm Văn C:* Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Kiều.

*Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án:* Biên bản không ghi được lời khai của ông Phạm Văn C ngày 25/3/2022; Phiếu xác minh tình trạng cư trú của ông Phạm Văn C ngày 25/3/2022

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn: Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông C; Về con chung: Bà T được tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu Phạm Thiện T1 sinh ngày 16/5/2017 và Phạm Thị Phương N, sinh ngày 11/11/2020, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

*1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông C do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Ông Phạm Văn C có nơi cư trú tại ấp V1, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt của các đương sự:* Nguyên đơn - Bà T vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định nên được chấp nhận; Bị đơn – Ông C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về phiên đối chất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

*2.1 Về hôn nhân:* Bà T và ông C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang ngày 28/10/2016 theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa bà T và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà T nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, bản thân hai người cảm thấy không hoà hợp. Vào khoảng tháng 02 năm 2021, sau khi cãi nhau ông C bỏ về gia đình cha mẹ ruột tại ấp V1, xã V, huyện C, tỉnh An Giang ở và giữa ông bà đã ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay bà kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông C.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà T và ông C lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T được ly hôn với ông C.

*2.2 Về con chung:* Giữa bà T và ông C có 02 con chung tên Phạm Thiện T1, sinh ngày 16/5/2017 và Phạm Thị Phương N, sinh ngày 11/11/2020 hiện đang sống cùng với bà T, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ lúc bà T và ông C ly thân đến nay, các con chung do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về phía ông C không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung hội đồng xét xử quyết định giao các con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà T phải tạo điều kiện cho ông C trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

*2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng:* Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà T là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà T và ông C có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Thạch Thị Thanh T được ly hôn với ông Phạm Văn C

Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là Phạm Thiện T1, sinh ngày 16/5/2017 và Phạm Thị Phương N, sinh ngày 11/11/2020 cho bà Thạch Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bà T phải tạo điều kiện cho ông C trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Thạch Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002969 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Thạch Thị Thanh T và ông Phạm Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;  
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Ngọc Trinh**